

# Trục dẫn hướng ELFC-KF-45-1000

Số bộ phận: 8062809

FESTO



## Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình làm việc	1000 mm
Kích thước	45
Dự trữ hành trình	0 mm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Dẫn hướng
Tăng tốc tối đa	250 m/s <sup>2</sup>
Tốc độ tối đa	1.5 m/s
Thời gian bật	100%
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Các kim loại có hơn 1% đồng, kẽm hoặc niken không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, băng mạch, dây dẫn, bộ kết nối điện và cuộn dây
Loại phòng sạch	Loại 7 theo ISO 14644-1
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Khoảnh khắc của diện tích ly bậc 2	140000 mm <sup>4</sup>
Khoảnh khắc của khu vực Iz độ 2	170000 mm <sup>4</sup>
Lực tối đa Fy	300 N
Lực tối đa Fz	600 N
Thời điểm tối đa Mx	5.5 Nm
Max. Moment My	4.7 Nm
Mô-men tối đa Mz	4.7 Nm
Mômen quán tính xoắn Nó	8500 mm <sup>4</sup>
Lực dịch chuyển	4.5 N
Fy với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	1104 N
Fz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	2208 N
Mx với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	20 Nm
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	17 Nm
Mz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	17 Nm
Khối lượng di chuyển	144 g

Đặc tính	Giá trị
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	23 g
Vật liệu nắp cuối	Nhôm đúc áp lực, sơn
Hồ sơ vật liệu	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Chất liệu của băng che	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu phủ	Nhôm đúc áp lực, sơn
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép
Vật liệu các ổ trượt	Nhôm đúc áp lực